

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC
NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015

CÔNG TY CỔ PHẦN
SÔNG ĐÀ HÀ NỘI

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Hội đồng quản trị	2 - 5
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	6 - 7
4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015	8 - 11
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015	12
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015	13 - 14
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015	15 - 34

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Sông Đà Hà Nội (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Sông Đà Hà Nội là công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0104798552 ngày 13 tháng 7 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Trong quá trình hoạt động Công ty đã được Sở kế hoạch và Đầu tư cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sau:

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ nhất ngày 21 tháng 07 năm 2010 thay đổi người đại diện pháp luật.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ hai ngày 16 tháng 09 năm 2010 bổ sung ngành nghề kinh doanh.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ ba ngày 12 tháng 01 năm 2012 thay đổi ngành nghề kinh doanh, thay đổi địa chỉ trụ sở chính.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ tư ngày 13 tháng 04 năm 2012 thay đổi vốn pháp định.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ năm ngày 10 tháng 07 năm 2012 thay đổi người đại diện theo pháp luật.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ sáu ngày 12 tháng 05 năm 2014 thay đổi ngành nghề kinh doanh.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ bảy ngày 14 tháng 08 năm 2015 thay đổi địa chỉ trụ sở chính.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ tám ngày 11 tháng 09 năm 2015 thay đổi ngành nghề kinh doanh.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội
- Điện thoại : 04 62 659 598
- Fax : 04 62 659 528

Ngành nghề kinh doanh của Công ty theo Giấy xác nhận về việc thay đổi thông tin đăng ký doanh nghiệp ngày 11 tháng 9 năm 2015 là:

- Phá dỡ;
- Chuẩn bị mặt bằng;
- Lắp đặt hệ thống cấp thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác; chi tiết: Lắp đặt hệ thống thiết bị khác không thuộc về điện, hệ thống ống tưới nước, hệ thống lò sưởi và điều hòa nhiệt độ, máy móc công nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng kỹ thuật dân dụng;
- Xây dựng nhà các loại;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác; chi tiết: chống ẩm các tòa nhà, xây dựng nền móng của tòa nhà, đóng cọc, xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng, xây dựng công trình cửa như đường thủy, bến cảng, các công trình trên sông, các cảng du lịch, cửa cống, đập và đê, xây dựng

đường hầm; xây dựng các công trình thể thao ngoài trời, xây dựng các công trình kỹ thuật công nghiệp bao gồm: nhà máy lọc dầu, xưởng hóa chất;

- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Xây dựng công trình công ích, chi tiết: Xây dựng đường ống và hệ thống nước, hệ thống tưới tiêu (kênh), các bể chứa; Xây dựng các công trình xử lý: hệ thống nước thải, bao gồm cả sửa chữa, trạm bơm, nhà máy xử lý nước thải, nhà máy năng lượng (thủy điện, nhiệt điện);
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; Chi tiết: Kinh doanh bất động sản;
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất; chi tiết: dịch vụ định giá bất động sản, sàn giao dịch bất động sản; dịch vụ quản lý bất động sản; tư vấn bất động sản; dịch vụ quảng cáo bất động sản;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; chi tiết: xây dựng vận hành công trình kết cấu hạ tầng hoặc cải tạo mở rộng, hiện đại hóa, vận hành, quản lý các công trình: Đường bộ, cầu hầm và các công trình, tiện ích có liên quan; Đường sắt, đường xe điện; cảng hàng không, cảng biển, cảng sông, bến phà; Nhà máy cung cấp nước, hệ thống thoát nước, xử lý nước thải, chất thải; Nhà máy điện, đường dây tải điện; các công trình kết cấu hạ tầng khác bao gồm: khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế, khu đô thị; Quản lý, vận hành hệ thống chiếu sáng công cộng đô thị; Xây dựng công viên, vườn hoa, trồng cây xanh theo quy hoạch đô thị; Xây dựng, lắp đặt các công trình chiếu sáng đô thị; Dịch vụ công ích trực tiếp phục vụ công cộng khu đô thị như: quản lý, khai thác, duy tu hệ thống các công trình hạ tầng kỹ thuật khu đô thị, vệ sinh môi trường và bảo vệ môi trường sinh thái, quản lý công viên, cây xanh; chiếu sáng đô thị, cấp nước, thoát nước; quản lý chung cư; vận tải công cộng; bảo vệ trật tự, an ninh khu đô thị mới; Lắp ráp và ghép các cấu kiện xây dựng đúc sẵn tại hiện trường xây dựng; duy tu và cải tạo các khu nhà ở; Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu;
- Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu;
Chi tiết: Khai thác và chế biến khoáng sản;
- Hoạt động tư vấn quản lý (không bao gồm các dịch vụ tư vấn pháp luật, tài chính, thuế, kế toán, kiểm toán, chứng khoán);
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác; chi tiết: Cho thuê máy móc và thiết bị xây dựng;
- Sửa chữa máy móc thiết bị;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; chi tiết: Ống nối, khớp nối, và chi tiết lắp ghép, thiết bị lắp đặt vệ sinh, ống dẫn, khớp nối, vòi, cút chữ T, ống cao su, xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát sỏi, kính xây dựng gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; chi tiết: bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng, sơn, véc ni;
- Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh; chi tiết: bán lẻ xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát sỏi và vật liệu xây dựng các loại, kính xây dựng, sơn, màu, véc ni, gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Sản xuất các cấu kiện kim loại; chi tiết: Sản xuất cửa kính lại, cửa sổ và khung cửa nhôm, cửa chớp, cổng, vách ngăn phòng bằng kim loại;
- Sản xuất sản phẩm từ plastic; chi tiết: Sản xuất đồ nhựa cho xây dựng như: cửa nhựa, cửa sổ, khung, màn rèm, ván chân tường, bể hồ chứa nhân tạo, sàn tường hoặc tấm phủ trần dạng

cuốn hoặc dạng tấm, đồ thiết bị vệ sinh bằng nhựa như bể bơi plastic, vòi tắm, chậu tắm, chậu rửa mặt;

- Sản xuất đồ gỗ xây dựng;
- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân loại vào đâu; chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan; chi tiết: thiết kế kiến trúc công trình; thiết kế quy hoạch xây dựng, thiết kế công trình giao thông, thiết kế kết cấu công trình, thiết kế xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp; thiết kế điện – cơ công trình; thiết kế cấp thoát nước; thiết kế thông gió – cấp thoát nhiệt; thiết kế mạng thông tin, liên lạc trong công trình xây dựng; thiết kế công trình thủy điện.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Đoàn Ngọc Ly	Chủ tịch HĐQT	Tái bổ nhiệm ngày 17 tháng 06 năm 2015
Ông Nguyễn Minh Tiến	Thành Viên	Tái bổ nhiệm ngày 17 tháng 06 năm 2015
Ông Phạm Xuân Kiêm	Thành Viên	Tái bổ nhiệm ngày 17 tháng 06 năm 2015
Ông Trịnh Xuân Phúc	Thành Viên	Miễn nhiệm ngày 17 tháng 06 năm 2015
Bà Đinh Thị Lan Anh	Thành Viên	Bổ nhiệm ngày 17 tháng 06 năm 2015
Ông Trần Văn Ngư	Thành Viên	Bổ nhiệm ngày 17 tháng 06 năm 2015

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Nguyễn Vũ Luật	Trưởng Ban	Tái bổ nhiệm ngày 17 tháng 06 năm 2015
Ông Dương Kim Ngọc	Thành Viên	Miễn nhiệm ngày 17 tháng 06 năm 2015
Ông Lê Tùng Hoa	Thành Viên	Tái bổ nhiệm ngày 17 tháng 06 năm 2015
Bà Trần Thị Chung	Thành Viên	Bổ nhiệm ngày 17 tháng 06 năm 2015

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Đoàn Ngọc Ly	Tổng Giám Đốc	Tái bổ nhiệm ngày 17 tháng 06 năm 2015
Ông Bùi Ngô Phúc	Phó Tổng Giám Đốc	Miễn nhiệm ngày 1 tháng 10 năm 2015
Ông Hà Mạnh Dương	Phó Tổng Giám Đốc	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 06 năm 2014

Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Đoàn Ngọc Ly (tái bổ nhiệm ngày 17 tháng 06 năm 2015).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính.
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.


Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Hội đồng quản trị, 



Đoàn Ngọc Ly

Chủ tịch

Ngày 15 tháng 3 năm 2016

SỐ
HÀN
T
M H
VAT
C
A N
T



**BAKER TILLY
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C
A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**



Headquarters : 02 Truong Son St., Tan Binh Dist., Ho Chi Minh City
Tel: (84.8) 3 5472972 - Fax: (84.8) 3 5472970
Branch in Ha Noi : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City
Branch in Nha Trang: 18 Tran Khanh Du St., Nha Trang City
Branch in Can Tho : 15-13 Vo Nguyen Giap St., Can Tho City
www.a-c.com.vn

Số: 154/2016/BCTC-KTTV

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ HÀ NỘI**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Sông Đà Hà Nội (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 15 tháng 3 năm 2016, từ trang 08 đến trang 34, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Sông Đà Hà Nội tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh có giá trị như nhau. Bản tiếng Việt là bản gốc khi cần đối chiếu.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C
Chi nhánh Hà Nội



Nguyễn Thị Tư - Phó Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0059-2013-008-1

Trần Kim Anh - Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 1907-2013-008-1

Hà Nội, ngày 15 tháng 3 năm 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ HÀ NỘI

Địa chỉ: Tầng 15 Tháp A, tòa HH4 - Mỹ Đình Sông Đà, đường Phạm Hùng, Mỹ Đình 1, Nam Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	
			Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		167.062.249.480	78.978.645.677
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	61.871.569.827	14.320.636.594
1. Tiền	111		5.471.569.827	14.320.636.594
2. Các khoản tương đương tiền	112		56.400.000.000	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		1.500.000.000	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	1.500.000.000	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		66.379.130.248	32.597.434.296
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	30.418.941.481	12.540.324.859
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	27.706.027.785	14.446.491.400
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	8.254.160.982	5.610.618.037
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		35.644.567.183	31.622.424.288
1. Hàng tồn kho	141	V.6	38.301.213.982	31.622.424.288
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	V.6	(2.656.646.799)	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.666.982.222	438.150.499
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		1.666.982.222	438.150.499
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ HÀ NỘI

Địa chỉ: Tầng 15 Tháp A, tòa HH4 - Mỹ Đình Sông Đà, đường Phạm Hùng, Mỹ Đình 1, Nam Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		19.410.558.930	12.143.386.933
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		1.816.125.547	2.433.119.911
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	1.816.125.547	2.433.119.911
<i>Nguyên giá</i>	222		4.300.209.819	4.305.936.092
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(2.484.084.272)	(1.872.816.181)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
<i>Nguyên giá</i>	228		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		10.945.182.790	9.710.267.022
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.9	10.945.182.790	9.710.267.022
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		6.649.250.593	-
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7	6.649.250.593	-
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		186.472.808.410	91.122.032.610

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ HÀ NỘI

Địa chỉ: Tầng 15 Tháp A, tòa HH4 - Mỹ Đình Sông Đà, đường Phạm Hùng, Mỹ Đình 1, Nam Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		145.305.692.933	50.130.445.373
I. Nợ ngắn hạn	310		145.305.692.933	50.130.445.373
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10	42.744.249.870	15.550.868.515
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.11	77.826.492.150	9.182.689.676
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.12	183.921.887	278.542.030
4. Phải trả người lao động	314		896.855.003	704.844.727
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.13	10.134.331.690	22.500.813.613
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.14	779.842.333	712.686.812
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.15	12.740.000.000	1.200.000.000
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		-	-
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		-	-
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ HÀ NỘIĐịa chỉ: Tầng 15 Tháp A, tòa HH4 - Mỹ Đình Sông Đà, đường Phạm Hùng, Mỹ Đình 1, Nam Từ Liêm, Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		41.167.115.477	40.991.587.237
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.16	41.167.115.477	40.991.587.237
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		40.000.000.000	40.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		40.000.000.000	40.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		1.167.115.477	991.587.237
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		991.587.237	991.587.237
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		175.528.240	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		186.472.808.410	91.122.032.610

Lập ngày 15 tháng 3 năm 2016

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Đỗ Đức Thắng

Nguyễn Đức Tiềm

Đoàn Ngọc Ly

315
NH
NG
HIỆP
NH
S
TH
A

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ HÀ NỘI

Địa chỉ: Tầng 15 Tháp A, tòa HH4 - Mỹ Đình Sông Đà, đường Phạm Hùng, Mỹ Đình 1, Nam Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	130.539.800.947	73.694.996.505
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		130.539.800.947	73.694.996.505
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	120.186.539.583	65.315.132.631
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		10.353.261.364	8.379.863.874
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	732.464.945	795.249.475
7. Chi phí tài chính	22		-	77.357.347
Trong đó: chi phí lãi vay	23		-	3.500.000
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.4	10.692.211.323	8.624.306.718
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		393.514.986	473.449.284
11. Thu nhập khác	31	VI.5	6.800.000	1.872.936.364
12. Chi phí khác	32	VI.6	76.437.471	1.517.681.828
13. Lợi nhuận khác	40		(69.637.471)	355.254.536
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		323.877.515	828.703.820
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.12	148.349.275	230.604.840
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>175.528.240</u>	<u>598.098.980</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.7	<u>44</u>	<u>150</u>
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.7	<u>44</u>	<u>150</u>

Người lập biểu

Đỗ Đức Thắng

Kế toán trưởng

Nguyễn Đức Tiềm

Lập ngày 15 tháng 3 năm 2016

Tổng Giám đốc

Đoàn Ngọc Ly

002
CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ HÀ NỘI
- TP.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ HÀ NỘI

Địa chỉ: Tầng 15 Tháp A, tòa HH4 - Mỹ Đình Sông Đà, đường Phạm Hùng, Mỹ Đình 1, Nam Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Đơn vị tính: VND	
		Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	323.877.515	828.703.820
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	649.995.284	801.214.834
- Các khoản dự phòng	03	2.656.646.799	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(729.672.027)	(1.099.674.491)
- Chi phí lãi vay	06	-	3.500.000
- Các khoản điều chỉnh khác	07	425.999.080	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	3.326.846.651	533.744.163
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(35.010.527.675)	19.140.022.243
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(6.678.789.694)	(3.663.366.820)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	83.714.760.169	(8.555.034.084)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(6.649.250.593)	194.399.669
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	-	(3.500.000)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(227.861.884)	(143.504.299)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	10.000.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	-	(1.400.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	38.475.176.974	6.112.760.872
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(1.693.915.768)	(909.000.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	-	1.681.818.182
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	(1.500.000.000)	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	729.672.027	390.904.212
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(2.464.243.741)	1.163.722.394

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ HÀ NỘI

Địa chỉ: Tầng 15 Tháp A, tòa HH4 - Mỹ Đình Sông Đà, đường Phạm Hùng, Mỹ Đình 1, Nam Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh			
		Năm nay	Năm trước	
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-	
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-	
3. Tiền thu từ đi vay	33	22.740.000.000	10.700.000.000	
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	(11.200.000.000)	(9.500.000.000)	
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	-	-	
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	11.540.000.000	1.200.000.000	
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	47.550.933.233	8.476.483.266	
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	14.320.636.594	5.844.153.328
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-	
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	61.871.569.827	14.320.636.594

Lập ngày 15 tháng 3 năm 2016

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Đỗ Đức Thắng

Nguyễn Đức Tiềm

Đoàn Ngọc Ly

HH4
SÔNG ĐÀ
HÀ NỘI

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ HÀ NỘI

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty cổ phần Sông Đà Hà Nội (sau đây gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần .

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là Xây lắp, nhận, giao thầu.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là Xây lắp các hạng mục công trình.

4. Chu năm sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Như đã trình bày tại thuyết minh số III.1, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Các qui định của Chế độ kế toán doanh nghiệp mới này không có ảnh hưởng trọng yếu đến các số liệu của Công ty và Công ty đã trình bày lại các số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày do vậy các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

6. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty có 33 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 36 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/209/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư này có hiệu lực áp dụng cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ HÀ NỘI

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

01 năm 2015. Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, Thông tư này và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

3. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.

Giá gốc của hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ HÀ NỘI

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong năm sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

5. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

Tiền thuê trụ sở trả trước

Tiền thuê trụ sở trả trước thể hiện khoản tiền thuê trụ sở đã trả cho văn phòng Công ty đang sử dụng. Tiền thuê trụ sở trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê (15 năm).

6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Máy móc và thiết bị	6 - 8
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3

7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

8. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

AB
HI
CO
HN
TO
A
TAI
VE

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ HÀ NỘI

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

9. **Vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

10. **Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

11. **Ghi nhận doanh thu và thu nhập.**

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.

Doanh thu xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày kết thúc năm tài chính.

315-
NHÁI
G T
IEM H
N VÀ
S C
H A P
A - T

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ HÀ NỘI

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

12. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và qui định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

13. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

14. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

15. Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm có tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ HÀ NỘI

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ phải trả tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm có các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	539.483.266	13.163.613.133
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	4.932.086.561	1.157.023.461
Các khoản tương đương tiền ⁽ⁱ⁾		
(Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng)	56.400.000.000	
Cộng	<u>61.871.569.827</u>	<u>14.320.636.594</u>

⁽ⁱ⁾ Bao gồm:

Khoản tiền gửi có kỳ hạn có giá trị theo sổ sách là 56.400.000.000 VND đã được cầm cố tại Ngân hàng Agribank Chi nhánh Láng Hạ để được bảo lãnh tiền tạm ứng theo hợp đồng thiết kế và thi công xây dựng số 01-2015/HDXD-EC/SHA-VT ký ngày 15/12/2015

2. Các khoản đầu tư tài chính

Là khoản tiền gửi có kỳ hạn 1 năm Ngân hàng Agribank Chi nhánh Láng Hạ.

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu các bên liên quan	<u>28.152.234.633</u>	<u>8.316.101.014</u>
Ban điều hành Dự án Thủy điện Lai Châu	16.929.191.819	6.079.380.803
Ban điều hành Dự án thủy điện Sơn La	2.113.321.028	1.834.338.743
Ban điều hành Dự án thủy điện Huội Quảng	3.020.358.821	232.909.636
Công ty Cổ phần Sông Đà 2	4.894.857.342	78.304.352
Công ty Cổ phần Sông Đà 10 - Chi nhánh 10.4	91.167.480	91.167.480
Công ty Cổ phần Sông Đà 10 - Chi nhánh 10.9	1.033.654.143	
Công ty Cổ phần Sông Đà 5 - Chi nhánh 5.06	37.552.000	
Công ty Cổ phần Sông Đà 4	32.132.000	

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ HÀ NỘIĐịa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	2.266.706.848	4.224.223.845
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thí Nghiệm Sông Đà	1.107.940.835	
Công ty Cổ phần Tư Vấn Sông Đà	330.516.000	330.516.000
Công ty Cổ phần Sông Đà 19	224.275.000	
Trường PTTH Đỗ Huy Liêu	426.675.000	
Công ty Cổ phần Đầu tư Vinatex		3.295.995.121
Các đối tượng khác	177.300.013	597.712.724
Cộng	30.418.941.481	12.540.324.859

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước cho các bên liên quan</i>		
<i>Trả trước cho người bán khác</i>	27.706.027.785	14.446.491.400
Công ty Cổ phần Thương mại Nam Ninh	20.383.950.075	8.364.676.388
Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Viên Yên		1.788.031.067
Công ty Cổ phần Tư vấn Việt Anpha		1.484.338.280
Công ty Cổ phần Hùng Châm		995.398.845
Công ty Cổ phần Tư vấn địa kỹ thuật Nam Hà		400.000.000
Liên đoàn Bản đồ địa chất MB		337.800.000
Doanh nghiệp tư nhân Anh Thái		200.000.000
Công ty TNHH MTV Đại Hưng	6.800.000.000	196.088.277
Trả trước cho người bán khác	522.077.710	680.158.543
Cộng	27.706.027.785	14.446.491.400

5. Phải thu ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>				
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	8.254.160.982		5.610.618.037	
Tạm ứng cho cán bộ nhân viên	6.256.455.432		4.127.582.463	
Ký quỹ ngắn hạn	1.462.253.444		1.400.000.000	
Các khoản phải thu khác	535.452.106		83.035.574	
Cộng	8.254.160.982		5.610.618.037	

6. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
Nguyên liệu, vật liệu	605.473.280		190.459.412	
Công cụ, dụng cụ	10.117.427		16.811.660	
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	37.685.623.275		31.415.153.216	
Cộng	38.301.213.982		31.622.424.288	

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ HÀ NỘIĐịa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm		
Trích lập dự phòng bổ sung	(2.656.646.799)	
Hoàn nhập dự phòng		
Số cuối năm	<u>(2.656.646.799)</u>	

7. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí Công cụ dụng cụ	59.684.182	
Chi phí tiền thuê trụ sở HH4	6.589.566.411	
Cộng	<u>6.649.250.593</u>	

8. Tài sản cố định hữu hình

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá					
Số đầu năm	464.726.273	952.000.000	2.703.602.819	185.607.000	4.305.936.092
Tăng trong năm do mua sắm mới		459.000.000			459.000.000
Giảm trong năm	(464.726.273)				(464.726.273)
Số cuối năm	<u>1.411.000.000</u>	<u>2.703.602.819</u>	<u>185.607.000</u>	<u>4.300.209.819</u>	
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng				185.607.000	185.607.000
Chờ thanh lý					
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	30.981.757	115.701.386	1.544.124.828	182.008.210	1.872.816.181
Khấu hao trong năm	7.745.436	188.050.578	450.600.480	3.598.790	649.995.284
Giảm trong năm	(38.727.193)				(38.727.193)
Số cuối năm	<u>303.751.964</u>	<u>1.994.725.308</u>	<u>185.607.000</u>	<u>2.484.084.272</u>	
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	433.744.516	836.298.614	1.159.477.991	3.598.790	2.433.119.911
Số cuối năm	<u>1.107.248.036</u>	<u>708.877.511</u>	<u>708.877.511</u>	<u>1.816.125.547</u>	
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng					
Đang chờ thanh lý					

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ HÀ NỘI

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Số cuối năm
Mua sắm tài sản cố định	459.000.000		459.000.000	
Xây dựng cơ bản dở dang	9.251.267.022	1.693.915.768		10.945.182.790
<i>Dự án Quốc lộ 6</i>	9.251.267.022			9.251.267.022
<i>Dự án khai thác mỏ cát Nghĩa Sơn</i>		571.357.929		571.357.929
<i>Dự án khai thác mỏ cát Nghĩa Phú - Nghĩa Hưng</i>		407.020.605		407.020.605
<i>Dự án khai thác mỏ cát Nghĩa Thắng - Nghĩa Hưng</i>		715.537.234		715.537.234
Cộng	9.710.267.022	1.693.915.768	459.000.000	10.945.182.790

10. Phải trả người bán

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	4.453.538.412	1.248.951.547
Tổng Công ty Sông Đà	3.902.888.819	926.388.124
Công ty Cổ phần Sông Đà 11	342.191.931	322.563.423
Công ty Cổ phần Sông Đà 4	208.457.662	
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	38.290.711.458	14.301.916.968
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng và Thương mại Nam Ninh	4.270.526.847	3.777.036.914
Công ty Cổ phần Tư vấn Việt Alpha	3.998.763.951	3.832.556.173
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Mạnh Đức	1.170.724.999	1.870.502.999
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Hạ tầng Phương Nam	902.370.472	1.542.093.472
Công ty Cổ phần Cơ điện Việt Pháp	5.719.982.000	
Công ty TNHH MTV Xây dựng Đại Hưng	10.576.505.971	283.958.277
Các nhà cung cấp khác	11.651.837.218	2.995.769.133
Cộng	42.744.249.870	15.550.868.515

11. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Trả trước của các bên liên quan</i>	4.801.996.150	3.432.689.676
Công ty Cổ phần Sông Đà 2	3.285.763.150	-
Ban điều hành Dự án Thủy điện Lai Châu	1.516.233.000	2.771.266.090
Ban điều hành Dự án Thủy Điện Huội Quảng	-	661.423.586
<i>Trả trước của các khách hàng khác</i>	73.024.496.000	5.750.000.000
Công ty TNHH Thương mại Minh Đăng	5.000.000.000	5.000.000.000
Công ty Cổ phần Việt Thuận	61.584.000.000	750.000.000
Các đối tượng khác	6.440.496.000	
Cộng	77.826.492.150	9.182.689.676

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ HÀ NỘI

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế thu nhập doanh nghiệp	232.640.496	148.349.275	(227.861.884)	153.127.887
Thuế thu nhập cá nhân	45.901.534	125.386.999	(140.494.533)	30.794.000
Các loại thuế khác		3.000.000	(3.000.000)	
Cộng	278.542.030	276.736.274	(371.356.417)	183.921.887

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10 %.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 22%

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	323.877.515	828.703.820
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	350.437.370	219.500.000
- Các khoản điều chỉnh tăng	350.437.370	219.500.000
Thù lao HĐQT không trực tiếp điều hành	274.000.000	216.000.000
Các khoản phạt	76.437.370	
Chi phí lãi vay tương ứng với phần vốn góp thiếu		3.500.000
- Các khoản điều chỉnh giảm		
Thu nhập chịu thuế	674.314.885	1.048.203.820
Thu nhập tính thuế	674.314.885	1.048.203.820
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	22%	22%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	148.349.275	230.604.840
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước		
Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	148.349.275	230.604.840

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

13. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan		
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	10.134.331.690	22.500.813.613
Chi phí trích trước các công trình	10.042.971.834	22.500.813.613
Chi phí vật tư	91.359.856	
Cộng	10.134.331.690	22.500.813.613

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ HÀ NỘI

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

14. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<i>372.000.000</i>	<i>404.000.000</i>
Thù lao Hội đồng quản trị	372.000.000	404.000.000
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>	<i>407.842.333</i>	<i>308.686.812</i>
Kinh phí công đoàn	7.530.290	7.544.031
Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp	380.781.524	259.371.470
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	19.530.519	41.771.311
Cộng	779.842.333	712.686.812

15. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<i>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các bên liên quan</i>				
<i>Vay ngắn hạn phải trả các tổ chức</i>	<i>12.740.000.000</i>	<i>12.740.000.000</i>	<i>1.200.000.000</i>	<i>1.200.000.000</i>
Vay ngắn hạn ngân hàng	9.140.000.000	9.140.000.000		
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Cầu Giấy ⁽ⁱ⁾	1.500.000.000	1.500.000.000		
Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát triển Nông thôn - CN Láng Hạ ⁽ⁱⁱ⁾	7.640.000.000	7.640.000.000		
Vay ngắn hạn các tổ chức khác ⁽ⁱⁱⁱ⁾	3.600.000.000	3.600.000.000	1.200.000.000	1.200.000.000
Cộng	12.740.000.000	12.740.000.000	1.200.000.000	1.200.000.000

(i) Khoản vay của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Cầu Giấy gồm 2 khoản vay thuộc 2 hợp đồng :

- Khoản vay không có tài sản đảm bảo theo Hợp đồng tín dụng số 01/2015/3556106 ngày 28/8/2015 số tiền là 800.000.000 VND; Mục đích cho vay nhằm bổ sung vốn lưu động thi công Công trình Thủy điện Lai Châu và Trường THPT Đỗ Huy Liêu; Thời hạn vay là 9 tháng, lãi suất : 9% năm.
- Khoản vay theo Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 01/2014/3556106 ngày 4/9/2014 của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Cầu Giấy. Hạn mức cho vay ngắn hạn và mở LC là 20.000.000.000 VND. Hạn mức cấp bảo lãnh là 30.000.000.000 VND. Mục đích cho vay nhằm bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở LC. Thời hạn cấp hạn mức đến hết ngày 30 tháng 6 năm 2015. Lãi suất được xác định trong từng hợp đồng nhận nợ cụ thể.

(ii) Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 1400-LAV-201501356/HĐTD ngày 07/12/2015 giữa Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn chi nhánh Láng Hạ và Công ty. Hạn mức cấp tín dụng là 60.000.000.000 VND, mức dư nợ cao nhất tại mọi thời điểm là 30.000.000.000 VND. Mục đích cho vay nhằm bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh. Lãi suất được áp dụng tại từng giấy nhận nợ cụ thể. Khoản vay được bảo đảm bằng khoản tiền gửi có kỳ hạn 1.500.000.000 VND tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Láng Hạ.

(iii) Là khoản vay Công ty Tài chính Cổ phần Sông Đà theo Hợp đồng tín dụng số 00200141/006/15/NH ngày 20/7/2015 của Công ty Tài chính Cổ phần Sông Đà, số tiền 3.600.000.000 VND. Mục đích cho vay nhằm bổ sung vốn lưu động thi công công trình Bệnh viện

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ HÀ NỘI

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

đa khoa huyện Ý Yên, Nam Định; Thời hạn vay là 6 tháng, lãi suất trong hạn là 12%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng các khoản tiền gửi tại Công ty Tài chính Cổ phần Sông Đà với tổng giá trị 1.200.000.000 VND.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối năm
Vay ngắn hạn ngân hàng		9.140.000.000		9.140.000.000
Vay ngắn hạn các tổ chức khác	1.200.000.000	13.600.000.000	(11.200.000.000)	3.600.000.000
Cộng	1.200.000.000	22.740.000.000	(11.200.000.000)	12.740.000.000

16. Vốn chủ sở hữu

16a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	40.000.000.000	393.488.257	40.393.488.257
Lợi nhuận trong năm trước		598.098.980	598.098.980
Số dư cuối năm trước	40.000.000.000	991.587.237	40.991.587.237
Số dư đầu năm nay	40.000.000.000	991.587.237	40.991.587.237
Lợi nhuận trong năm		175.528.240	175.528.240
Số dư cuối năm nay	40.000.000.000	1.167.115.477	41.167.115.477

16b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

Tình hình góp vốn điều lệ như sau:

	Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp		Vốn điều lệ đã góp (VND)	Vốn điều lệ còn phải góp (VND)
	VND	Tỷ lệ (%)		
Tổng Công ty Sông Đà	110.000.000.000	55%	22.000.000.000	88.000.000.000
Công ty Cổ phần Sông Đà 9	20.000.000.000	10%	4.000.000.000	16.000.000.000
Công ty TNHH MTV Hạ Tầng Sông Đà	10.000.000.000	5%	2.000.000.000	8.000.000.000
Tổng công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Xây dựng	30.000.000.000	15%	6.000.000.000	24.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng & Phát triển Đô thị Sông Đà	20.000.000.000	10%	4.000.000.000	16.000.000.000
Các cổ đông khác	10.000.000.000	5%	2.000.000.000	8.000.000.000
Cộng	200.000.000.000	100%	40.000.000.000	160.000.000.000

16c. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	20.000.000	20.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành		
- Cổ phiếu phổ thông	4.000.000	4.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ HÀ NỘI

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>		
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>		
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	4.000.000	4.000.000
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>		

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a. Tổng doanh thu**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu hợp đồng xây dựng	122.646.292.680	72.581.693.451
Doanh thu khác	7.893.508.267	1.113.303.054
Cộng	130.539.800.947	73.694.996.505

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan không phải là công ty con, công ty liên doanh, liên kết như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng Công ty Sông Đà		
Ban điều hành Dự án Thủy điện Lai Châu		
<i>Khối lượng xây lắp hoàn thành</i>	24.732.524.544	11.135.039.721
Ban điều hành Dự án Thủy điện Sơn La		
<i>Khối lượng xây lắp hoàn thành</i>	708.165.714	3.169.902.007
Ban điều hành Dự án thủy điện Huội Quảng		
<i>Khối lượng xây lắp hoàn thành</i>	8.140.454.160	2.308.645.536
Công ty Cổ phần Sông Đà 2		
<i>Khối lượng xây lắp hoàn thành</i>	42.385.105.192	383.531.520
Công ty Cổ phần Sông Đà 5		
<i>Khối lượng xây lắp hoàn thành</i>	34.138.182	
Công ty Cổ phần Sông Đà 4		
<i>Khối lượng xây lắp hoàn thành</i>	29.210.909	
Công ty CP Sông Đà 10		
<i>Cung cấp vật tư thi công</i>	6.658.909.933	
Công ty Cổ phần Sông Đà		
<i>Cung cấp vật tư thi công</i>	51.965.305	

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ HÀ NỘI

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu hoạt động xây lắp	109.636.384.517	64.507.909.659
Doanh thu hoạt động khác	7.893.508.267	807.222.972
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	2.656.646.799	
Cộng	<u>120.186.539.583</u>	<u>65.315.132.631</u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	83.546.330	136.579.417
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	2.792.918	16.763.223
Lãi tiền cho vay	646.125.697	641.906.835
Cộng	<u>732.464.945</u>	<u>795.249.475</u>

4. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	4.339.986.909	3.557.873.768
Chi phí vật liệu quản lý	438.642.652	416.081.744
Chi phí đồ dùng văn phòng	6.909.091	229.615.124
Chi phí khấu hao tài sản cố định	461.944.706	504.113.400
Thuế, phí và lệ phí	299.505.266	83.278.830
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.003.226.483	1.291.205.193
Chi phí bằng tiền khác	3.141.996.216	2.542.138.659
Cộng	<u>10.692.211.323</u>	<u>8.624.306.718</u>

5. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán hồ sơ dự thầu		12.000.000
Doanh thu bán nhựa đường		179.118.182
Doanh thu thanh lý tài sản cố định		1.681.818.182
Thu nhập khác	6.800.000	
Cộng	<u>6.800.000</u>	<u>1.872.936.364</u>

6. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Các khoản phạt	76.437.370	
Giá vốn nhựa đường thanh lý		216.779.360
Giá trị còn lại tài sản cố định		1.287.772.881
Chi phí khác	101	13.129.584
Cộng	<u>76.437.471</u>	<u>1.517.681.828</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ HÀ NỘI

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

7. Lãi trên cổ phiếu

7a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	175.528.240	598.098.980
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	175.528.240	598.098.980
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	4.000.000	4.000.000
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	44	150

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	4.000.000	4.000.000
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại		
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	4.000.000	4.000.000

7b. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính này.

8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	32.035.996.834	13.820.385.556
Chi phí nhân công	8.028.241.650	5.131.731.919
Chi phí khấu hao tài sản cố định	649.995.284	801.214.834
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.163.047.606	1.551.746.113
Chi phí khác	95.239.538.855	55.938.255.545
Cộng	138.116.820.229	77.243.333.967

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.



CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ HÀ NỘI

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)*Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt*

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền lương	750.313.432	581.392.454
Cộng	750.313.432	581.392.454

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Tổng Công ty Sông Đà	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Sông Đà 11	Công ty cùng thành viên HĐQT
Các công ty con của Tổng Công ty Sông Đà	Công ty cùng công ty mẹ

Giao dịch với các bên liên quan khác

Công ty không phát sinh giao dịch với các công ty con và công ty liên doanh, liên kết. Ngoài các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác không phải là công ty con và công ty liên doanh, liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Công ty còn phát sinh các giao dịch khác với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng công ty Sông Đà		
Tiền lãi chậm thanh toán		72.857.062
Tiền thuê trụ sở (46 năm)	6.743.007.132	204.587.628
Công ty Cổ phần Sông Đà 2		
Phải trả Chi phí thuê ca máy, vữa bê tông, thi công	331.237.938	
Công ty Cổ phần Sông Đà 6		
Chi phí vữa bê tông thi công công trình Huội Quảng	1.542.945.161	
Công ty Cổ phần Sông Đà 9		
Tiền thuê xe máy phục vụ CT Lai Châu	168.272.000	
Tiền thuê máy xúc phải trả		282.825.000
Tiền mua thép		38.725.171
Công ty Cổ phần Sông Đà 4		
Tiền vữa, bê tông thi công CT Bản Vẽ	1.768.744.998	
Công ty Cổ phần Sông Đà 10		
Chi phí thuê máy bơm vữa, bê tông	109.422.412	
Công ty Cổ phần Sông Đà 12		
Tiền điện thi công phải trả		84.952.800

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày trong các thuyết minh ở Mục V.

4981
 CHỈ NI
 CÔNG
 CH NHIE
 M TOÁN
 A 8
 TẠI H
 S ĐÀ

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ HÀ NỘI

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Số liệu so sánh

2a. Áp dụng chế độ kế toán mới

Như đã trình bày tại thuyết minh số III.1, từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Công ty đã trình bày lại các số liệu so sánh theo qui định của Chế độ kế toán doanh nghiệp mới này.

2b. Ảnh hưởng của việc chế độ kế toán mới

Ảnh hưởng của việc áp dụng chế độ kế toán mới đến số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính như sau:

	Mã số	Số liệu trước điều chỉnh	Các điều chỉnh	Số liệu sau điều chỉnh	Ghi chú
Bảng cân đối kế toán					
Phải thu ngắn hạn khác	136	83.035.574	5.527.582.463	5.610.618.037	
Tài sản ngắn hạn khác	155	5.527.582.463	(5.527.582.463)		

3. Quản lý rủi ro tài chính

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập.

3a. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách tìm hiểu kỹ thông tin về khả năng tài chính trước khi giao dịch. Ngoài ra, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Công ty liên quan đến nhiều đơn vị và cá nhân nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng không có năm hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam do vậy rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VII.4 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Tất cả các tài sản tài chính của Công ty đều trong hạn và không bị giảm giá trị.

3b. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ HÀ NỘI

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh (bao gồm lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	<u>Từ 1 năm trở xuống</u>	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u>	<u>Trên 5 năm</u>	<u>Cộng</u>
Số cuối năm				
Vay và nợ	12.740.000.000			12.740.000.000
Phải trả người bán	42.744.249.870			42.744.249.870
Các khoản phải trả khác	10.153.862.209			10.153.862.209
Cộng	65.638.112.079			65.638.112.079
Số đầu năm				
Vay và nợ	1.200.000.000			1.200.000.000
Phải trả người bán	15.550.868.515			15.550.868.515
Các khoản phải trả khác	22.542.584.924			22.542.584.924
Cộng	39.293.453.439			39.293.453.439

Ban Tổng Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

3c. *Rủi ro thị trường*

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty gồm: rủi ro lãi suất và rủi ro nguyên vật liệu.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và ngày 31 tháng 12 năm 2014 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của tỷ giá, lãi suất, giá chứng khoán, giá hàng hóa/nguyên vật liệu sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến khoản vay có lãi suất thả nổi.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và năm hạn vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất cũng như duy trì cơ cấu vay với lãi suất thả nổi và cố định phù hợp.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ HÀ NỘI

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công ty đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của lãi suất đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể.

Rủi ro về giá nguyên vật liệu

Công ty có rủi ro về sự biến động của giá nguyên vật liệu. Công ty quản lý rủi ro về giá nguyên vật liệu bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

Công ty chưa sử dụng các công cụ phái sinh đảm bảo để phòng ngừa các rủi ro về giá nguyên vật liệu.

3d. Tài sản bảo đảm

Tài sản thế chấp cho đơn vị khác

Công ty thế chấp các khoản tiền gửi có kỳ hạn có giá trị 57.900.000.000VND tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn – Chi nhánh Láng Hạ (số đầu năm là 0 VND).

Tài sản nhận thế chấp của đơn vị khác

Công ty không nhận tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2014.

4. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

Tài sản tài chính

Giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Tiền và các khoản tương đương tiền	61.871.569.827	-	14.320.636.594	-
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	1.500.000.000	-	-	-
Phải thu khách hàng	30.418.941.481	-	12.540.324.859	-
Các khoản phải thu khác	1.915.546.490	-	1.445.482.850	-
Cộng	95.706.057.798	-	28.306.444.303	-

Nợ phải trả tài chính

Giá trị ghi sổ của nợ phải trả tài chính như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay và nợ	12.740.000.000	1.200.000.000
Phải trả người bán	42.744.249.870	15.550.868.515
Các khoản phải trả khác	10.153.862.209	22.542.584.924
Cộng	65.638.112.079	39.293.453.439

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ HÀ NỘI

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Giá trị hợp lý

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể.

5. Các Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.

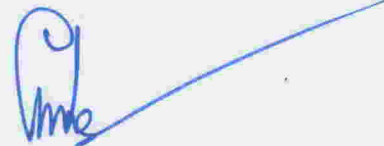
Hà Nội, ngày 15 tháng 3 năm 2016



Đỗ Đức Thắng
Người lập biểu



Nguyễn Đức Tiềm
Kế toán trưởng



Đoàn Ngọc Ly
Tổng Giám đốc